

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính tổng hợp  
đã soát xét cho kỳ tài chính  
từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

---



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 - 4</b>
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT</b>	<b>5</b>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP</b>	<b>6 - 9</b>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP</b>	<b>10</b>
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP</b>	<b>11 - 12</b>
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP</b>	<b>13 - 37</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 25 ngày 16/07/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 363/LĐTĐBXH-GP ngày 07/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Vốn điều lệ : 1.296.071.470.000 VND

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Đào tạo và XKLD Hanic Hà Nội – Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	Số 16, OBT4 Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Sàn Giao dịch Bất động sản Hanic	Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Trung tâm Xuất khẩu lao động Hanic 2	Số 2, Khu Bắc Hà, phố Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Đào tạo và cung ứng Nhân lực Quốc tế - Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	Số nhà 17, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, than cám; Bán buôn nhiên liệu rắn: Bán buôn than và các sản phẩm về than; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Tư vấn, môi giới đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư; Dịch vụ định giá bất động sản và quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các loại;
- Bán buôn đồ uống, gạo, nông lâm sản...;
- Bán buôn kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động ở nước ngoài;
- Và các hoạt động kinh doanh khác.

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Vũ Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020
Ông Vũ Phúc Thọ	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên HĐQT	
Ông Lê Việt Hà	Ủy viên HĐQT	
Ông Vũ Quang Minh	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020

#### Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban	
Bà Đặng Thị Lệ Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020
Bà Hoàng Lệ Thu	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020
Ông Phan Đăng Thắng	Thành viên	

#### Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Vũ Quang Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2020
Ông Nguyễn Đại Hải	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2020
Bà Vũ Thị Chinh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020
Ông Vũ Phúc Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

#### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng Hợp Hà Nội tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đại Hải

Ngày 20 tháng 08 năm 2020

Số: ~~282~~/2020/BCXS

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 08 năm 2020 từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán BDO



**Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2018-038-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.303.758.313.320</b>	<b>2.081.271.562.250</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>34.169.269.264</b>	<b>15.961.091.575</b>
1. Tiền	111		21.684.269.264	15.961.091.575
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.485.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>79.124.446.257</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.1	-	79.124.446.257
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.104.743.281.081</b>	<b>1.970.328.704.001</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.641.096.692.919	1.505.998.092.271
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.429.901	2.429.901
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2.2	325.653.110.039	340.372.770.997
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	418.330.433.697	404.341.796.307
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.1	(280.346.385.475)	(280.386.385.475)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>152.145.838.978</b>	<b>15.500.000.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	152.145.838.978	15.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.699.923.997</b>	<b>357.320.417</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	55.911.814	60.917.523
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.644.012.183	296.402.894
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco

36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày

30/06/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.336.787.906.502</b>	<b>1.412.449.313.628</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>217.957.350.000</b>	<b>214.528.100.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	225.536.184.000	222.106.934.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5.1	(7.578.834.000)	(7.578.834.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.658.159.940</b>	<b>961.800.454</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.658.159.940	961.800.454
<i>Nguyên giá</i>	222		2.128.309.022	1.315.301.631
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(470.149.082)	(353.501.177)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.116.831.567.245</b>	<b>1.196.637.214.106</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2.3	422.549.120.000	422.549.120.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.4	216.480.000.000	216.480.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.5	493.472.500.000	504.053.826.370
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.6	(15.670.052.755)	(26.251.379.125)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.1	-	79.805.646.861
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>340.829.317</b>	<b>322.199.068</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	340.829.317	322.199.068
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.640.546.219.822</b>	<b>3.493.720.875.878</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco

36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày

30/06/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.127.991.273.252</b>	<b>2.024.819.618.048</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.127.891.273.252</b>	<b>2.024.719.618.048</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	538.554.249.023	460.054.156.841
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	10.505.632.488	5.632.488
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	11.008.448.235	19.874.349.154
4. Phải trả người lao động	314		733.615.100	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	10.909.553.802	21.208.839.651
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.1	64.723.790.098	485.981.844.672
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	1.489.398.894.629	1.035.537.705.365
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.057.089.877	2.057.089.877
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13.2	100.000.000	100.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco

36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày  
30/06/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.512.554.946.570</b>	<b>1.468.901.257.830</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>1.512.554.946.570</b>	<b>1.468.901.257.830</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	16.350.914.364
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.139.824.104	6.139.824.104
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		193.992.738.102	150.339.049.362
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		150.339.049.362	84.450.234.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.653.688.740	65.888.815.264
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.640.546.219.822</b>	<b>3.493.720.875.878</b>

Lập ngày 20 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Tường

Kế toán trưởng



Chu Văn Mân

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đại Hải



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.725.159.629.544	1.931.534.923.320
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.725.159.629.544	1.931.534.923.320
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.698.267.119.850	1.902.160.118.122
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.892.509.694	29.374.805.198
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	79.200.645.685	66.259.982.968
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	44.154.893.862	49.955.449.599
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.227.451.753	39.543.841.721
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.855.625.078	3.877.799.308
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.458.854.364	18.517.514.513
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.623.782.075	23.284.024.746
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.010.100	24.726.213.588
12. Chi phí khác	32	VI.8	545.000	104.075.173
13. Lợi nhuận khác	40		465.100	24.622.138.415
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.624.247.175	47.906.163.161
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	10.970.558.435	13.386.791.001
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>43.653.688.740</u>	<u>34.519.372.160</u>

Lập ngày 20 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Tường

Kế toán trưởng



Chu Văn Mân

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đại Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	54.624.247.175	47.906.163.161
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	116.647.905	153.214.242
- Các khoản dự phòng	03	(40.000.000)	19.852.868.840
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20.098.141.199)	(36.765.248.089)
- Chi phí lãi vay	06	39.227.451.753	39.543.841.721
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.830.205.634	70.690.839.875
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(155.768.977.968)	(640.156.235.230)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(136.645.838.978)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(342.583.341.343)	823.987.385.724
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(13.624.540)	40.437.714
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.227.451.753)	(40.396.469.845)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.076.751.152)	(7.302.289.840)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(19.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(619.485.780.100)</b>	<b>206.844.668.398</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(813.007.391)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	(328.386.575.555)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	178.649.754.076	4.162.029.003
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(182.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.996.021.840	13.908.935.620
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>183.832.768.525</b>	<b>(492.315.610.932)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower  
 đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến  
 ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Kỳ này		Kỳ trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.149.942.363.280	1.543.992.041.097	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.696.081.174.016)	(1.253.662.009.683)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>453.861.189.264</b>	<b>290.330.031.414</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>18.208.177.689</b>	<b>4.859.088.880</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>15.961.091.575</b>	<b>6.739.877.588</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>34.169.269.264</b>	<b>11.598.966.468</b>

Lập ngày 20 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Tường

Kế toán trưởng



Chu Văn Mân



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đại Hải



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 25 ngày 16/07/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Kinh doanh thương mại;
- Dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

##### ***Hoạt động kinh doanh chính:***

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, than cám; Bán buôn nhiên liệu rắn: Bán buôn than và các sản phẩm về than; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Tư vấn, môi giới đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư; Dịch vụ định giá bất động sản và quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các loại;
- Bán buôn đồ uống, gạo, nông lâm sản...;
- Bán buôn kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động ở nước ngoài;
- Và các hoạt động kinh doanh khác.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, không phát sinh những sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp của doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**6. Cấu trúc doanh nghiệp****Danh sách các công ty con**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%
- Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình	Số 234, đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	54,55%	54,55%	54,55%
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sông 6	Số 160 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	69,19%	69,19%	69,19%

**Danh sách công ty liên doanh, liên kết**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	Tầng 5, tòa nhà Geleximco, số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	41%	41%	41%

**Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Tên	Địa chỉ
- Chi nhánh Đào tạo và XKLĐ Hanic Hà Nội – Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	Số 16, OBT4 Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Sàn Giao dịch Bất động sản Hanic	Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Trung tâm Xuất khẩu lao động Hanic 2	Số 2, Khu Bắc Hà, phố Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh
- Chi nhánh Đào tạo và cung ứng Nhân lực Quốc tế - Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	Số nhà 17, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang



**7. Nhân viên**

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2020 là 51 người (Tại ngày 31/12/2019 là 46 người).

**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán**

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP An Bình.

**Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch**

- Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Doanh thu, Thu nhập khác, Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản, Vốn chủ sở hữu, Các khoản phải thu, Vốn bằng tiền, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả, Nhận trước tiền của người mua.

Trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ có liên quan đến doanh thu nhận trước, hoặc nhận trước tiền của người mua: Doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.



Trường hợp mua tài sản có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán: Giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

*- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải thu, Khoản nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu, Các khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước, Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

*- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

**Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ**

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP An Bình tại thời điểm đánh giá. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP An Bình tại thời điểm đánh giá.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

## **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### **a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

*Giá trị ghi sổ:* Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

*Căn cứ trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:* Dự phòng được lập khi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư cao hơn giá trị có thể thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

*Đối với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được mua trong kỳ:* Thời điểm ghi nhận và việc ghi nhận đảm bảo tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - “Hợp nhất kinh doanh” và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 07, 08 về việc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

*Nguyên tắc xác định công ty con, công ty liên doanh, liên kết:* Dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

*Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty con:* Được xác định theo giá gốc. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc.

*Căn cứ lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:* Căn cứ trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư. Trường hợp bên được đầu tư là Công ty mẹ, căn cứ trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Giá trị ghi sổ: Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Căn cứ lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- *Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy:* Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

- *Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo:* Căn cứ trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư. Trường hợp bên được đầu tư là Công ty mẹ, căn cứ trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...)

**Theo dõi khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi**

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích lập dự phòng</b>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.



**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)***Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

- Các khoản nợ phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán: Công ty xóa nợ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty thu lại được số nợ đã xử lý xóa sổ trước đó thì số thu được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, tại ngày 30/06/2020, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)**

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<b>Nhóm TSCĐ</b>	<b>Số năm</b>
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm

**Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ**

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan.

**7. Nguyên tắc kế toán thuế****a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).



**b) Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Thời gian phân bổ</u>
Chi phí thuê văn phòng	03 tháng
Công cụ, dụng cụ	03 - 36 tháng
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	24 - 36 tháng
Chi phí dịch vụ mua ngoài	Theo thực tế phát sinh

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

**Theo dõi các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay****Ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: chi phí lãi vay, phí LC.

***Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả***

- *Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả:* Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

- *Trích trước phí LC Upas:* Căn cứ vào hợp đồng, thời hạn, lãi suất áp dụng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu*****a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần***

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông góp vốn.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***b) Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá***

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chênh lệch tỷ giá hối đoái của Công ty chủ yếu phát sinh trong các trường hợp: Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ; Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

***c) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển***

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau:

- Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

***d) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.



***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi cho vay, chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu tài chính khác.

*Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm:* Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia:* Được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, và sự kiện này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm”.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính của kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu: Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.



**18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí bán hàng:** Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (xem Thuyết minh IV.7)****20. Thông tin theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Hoạt động của Công ty được chia theo các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh thương mại;
- Cung cấp dịch vụ.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	875.992.420	179.592.648
Tiền gửi ngân hàng	20.808.276.844	15.781.498.927
<b>Cộng</b>	<b>21.684.269.264</b>	<b>15.961.091.575</b>
Các khoản tương đương tiền (*)	12.485.000.000	-
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>34.169.269.264</b>	<b>15.961.091.575</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội, với mức lãi suất 4,2%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Ngắn hạn</b>						
TG có kỳ hạn trên 3T dưới 12T	-	-	-	79.124.446.257	-	79.124.446.257
<b>Cộng</b>	-	-	-	79.124.446.257	-	79.124.446.257
<b>Dài hạn</b>						
TG có kỳ hạn trên 12T	-	-	-	79.805.646.861	-	79.805.646.861
<b>Cộng</b>	-	-	-	79.805.646.861	-	79.805.646.861

**2.1 Cho vay**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Cho vay ngắn hạn</b>						
Ông Nguyễn Anh Quân(*)	235.700.000.000	235.700.000.000	-	235.700.000.000	235.700.000.000	-
Ông Trần Tiến Thành	325.000.000	325.000.000	-	325.000.000	325.000.000	-
Tập đoàn GELEXIMCO - CTCP (**)	89.628.110.039	-	89.628.110.039	104.347.770.997	-	104.347.770.997
<b>Cộng</b>	325.653.110.039	236.025.000.000	89.628.110.039	340.372.770.997	236.025.000.000	104.347.770.997

(\*): Công ty Cổ phần BETA BQP vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A-Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng. Sau đó, khoản vay đã được thanh toán một phần bởi ông Nguyễn Anh Quân. Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty Cổ phần BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

Đến ngày 30/06/2019 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa hoàn tất. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và đã có lệnh truy nã vào ngày 24-12-2011. Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã có công văn đề nghị Công ty CP Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-ĐTM ngày 14/06/2011.

(\*\*): Thông tin về khoản cho Tập đoàn GELEXIMCO - CTCP vay:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 09022018/HĐVV/GELE-SHN ngày 09/02/2018; tổng số tiền vay là 45.000.000.000 đồng; lãi suất 9%/năm, thời hạn vay là 03 tháng, từ ngày 09/02/2018. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 08052019/HĐVV/GELE-SHN ngày 08/05/2019 và các phụ lục kèm theo với tổng số tiền vay là 80.000.000.000 đồng; lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 08/05/2019. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.

**2.2 Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình	390.000.000.000	-	390.000.000.000	390.000.000.000	-	390.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý đường sông 6	30.549.120.000	-	30.549.120.000	30.549.120.000	-	30.549.120.000
<b>Cộng</b>	422.549.120.000	2.000.000.000	420.549.120.000	422.549.120.000	2.000.000.000	420.549.120.000

Thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC của Công ty con đã được kiểm toán.



**Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	100,00%	100,00%	2.000.000.000	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình	300.000.000.000	54,55%	54,55%	300.000.000.000	54,55%	54,55%
Công ty Cổ phần Quản lý đường sông 6	9.092.000.000	69,19%	69,19%	9.092.000.000	69,19%	69,19%

**Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty con trong năm như sau:**

Công ty TNHH XNK Hàng Hóa Việt Nam không phát sinh hoạt động kinh doanh chính trong kỳ.  
Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình là kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản...  
Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý đường sông 6 là quản lý bảo trì đường thủy; Duy tu sửa chữa kè; Điều tiết khống chế, chống va trôi, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa....

**Các giao dịch liên quan giữa đơn vị và Công ty con trong năm:**

Được trình bày tại Thuyết minh VII.2

**2.3 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Mai Trang Linh	216.480.000.000	570.052.755	215.909.947.245	216.480.000.000	570.052.755	215.909.947.245
<b>Cộng</b>	<b>216.480.000.000</b>	<b>570.052.755</b>	<b>215.909.947.245</b>	<b>216.480.000.000</b>	<b>570.052.755</b>	<b>215.909.947.245</b>

**Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Mai Trang Linh	67.650.000.000	41%	41%	67.650.000.000	41%	41%

**Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:**

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Mai Trang Linh là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hàng hóa và dịch vụ thương mại.

**Các giao dịch liên quan giữa đơn vị và Công ty liên doanh, liên kết trong năm:**

Được trình bày tại Thuyết minh VII.2.

**2.4 Đầu tư vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội	2.100.000.000	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Máy Thiết bị dầu khí	1.572.500.000	-	1.572.500.000	1.572.500.000	-	1.572.500.000
Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Kim Giang	11.000.000.000	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản HTL Việt Nam	478.800.000.000	-	478.800.000.000	478.800.000.000	-	478.800.000.000
Khác	-	-	-	10.581.326.370	10.581.326.370	-
<b>Cộng</b>	<b>493.472.500.000</b>	<b>13.100.000.000</b>	<b>480.372.500.000</b>	<b>504.053.826.370</b>	<b>23.681.326.370</b>	<b>480.372.500.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**2.5 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Thuyết minh
Dự phòng các khoản đầu tư vào Công ty con	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	Xem Thuyết minh V.2.3
Dự phòng các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	(570.052.755)	(570.052.755)	Xem Thuyết minh V.2.4
Dự phòng các khoản đầu tư khác	(13.100.000.000)	(23.681.326.370)	Xem Thuyết minh V.2.5
<b>Cộng</b>	<b>(15.670.052.755)</b>	<b>(26.251.379.125)</b>	

**3. Phải thu khách hàng****3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần Nhiệt Điện Thăng Long	1.577.509.626.060	1.498.168.995.918
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tổng hợp DHA	51.842.000.000	-
Các khách hàng còn lại	11.745.066.859	7.829.096.353
<b>Cộng</b>	<b>1.641.096.692.919</b>	<b>1.505.998.092.271</b>

**3.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Xem thuyết minh VII.2

**4. Phải thu khác****4.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	-	-	15.451.102.096	15.125.102.096
- Ông Nguyễn Trung Kiên	-	-	12.831.501.573	12.831.501.573
- Khác	-	-	2.619.600.523	2.293.600.523
Ký cược, ký quỹ	290.000.000.000	-	290.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đông Bắc Hải Dương (*)	280.000.000.000	-	580.000.000.000	-
- Khác	10.000.000.000	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, bán hàng trả chậm	89.656.709.149	-	75.781.833.902	-
- Công ty cổ phần Nhiệt Điện Thăng Long	56.674.767.353	-	51.902.011.465	-
- Công ty TNHH Đông Bắc Hải Dương (*)	15.534.246.578	-	2.968.767.124	-
- Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình	3.758.488.500	-	3.758.488.500	-
- Tập đoàn Geleximco - CTCP	13.653.290.965	-	9.388.064.854	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	35.915.753	-	7.764.501.959	-
Phải thu khác	38.673.724.548	37.100.945.101	23.108.860.309	22.015.843.005
- Ông Lê Song Hào	13.965.491.231	13.965.491.231	13.965.491.231	13.965.491.231
- Ông Nguyễn Trung Kiên	12.831.501.573	12.831.501.573	-	-
- Công ty Cổ phần An Sinh	6.271.147.700	6.271.147.700	6.311.147.700	6.311.147.700
- Tập đoàn Geleximco - CTCP (**)	413.586.667	-	413.586.667	-
- Khác	5.191.997.377	4.032.804.597	2.418.634.711	1.739.204.074
<b>Cộng</b>	<b>418.330.433.697</b>	<b>37.100.945.101</b>	<b>404.341.796.307</b>	<b>37.140.945.101</b>

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

(\*): Khoản phải thu khác này là khoản ký quỹ theo hợp đồng số 02/2020/ĐBHD-SHN ngày 31/10/2019, ký với nhà cung cấp là Công ty TNHH Đông Bắc Hải Dương, về việc thực hiện đơn hàng 700.000 tấn than trong năm 2020 và tương đương với 03 tháng tiền hàng; thời hạn ký quỹ đến hết ngày 15/11/2020. Số tiền này sẽ được quyết toán khi kết thúc hợp đồng. Bên bán sẽ phải trả lãi suất 9%/năm cho bên mua. Toàn bộ tiền gốc và lãi ký quỹ Bên bán cam kết chuyển khoản về tài khoản của Bên mua tại Ngân hàng TMCP An Bình.

(\*\*): Khoản phải thu khác này là khoản phải thu còn lại của hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và Tập đoàn Geleximco - CTCP sau khi hai bên thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

4.1 <i>Phải thu khác dài hạn</i>	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ký cược, ký quỹ	142.679.250.000	-	139.250.000.000	-
- <i>Ký quỹ xuất khẩu lao động</i>	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- <i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam - Dự án ngõ 5 Láng Hạ (1)</i>	49.679.250.000	-	46.250.000.000	-
- <i>Tập đoàn GELEXIMCO - CTCP - Dự án Khu đô thị mới Hòa Bình (2)</i>	92.000.000.000	-	92.000.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>82.856.934.000</b>	<b>7.578.834.000</b>	<b>82.856.934.000</b>	<b>7.578.834.000</b>
- <i>Tập đoàn Geleximco- Công ty CP - Dự án Gemek Tower (3)</i>	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- <i>CN Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh - Dự án Newlife Tower (4)</i>	64.000.000.000	-	64.000.000.000	-
- <i>Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng Kim Giang (5)</i>	6.537.000.000	6.537.000.000	6.537.000.000	6.537.000.000
- <i>Khác</i>	2.319.934.000	1.041.834.000	2.319.934.000	1.041.834.000
<b>Cộng</b>	<b>225.536.184.000</b>	<b>7.578.834.000</b>	<b>222.106.934.000</b>	<b>7.578.834.000</b>

(1): Khoản phải thu này là khoản đặt cọc theo Hợp đồng số 1002-2018/SHN-PICENZA giữa SHN và PICENZA ngày 10/2/2018 và Phụ lục Hợp đồng đặt cọc, ngày 30/7/2018, về việc SHN đặt cọc để góp vốn hợp tác đầu tư vào dự án tại ngõ 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (xây dựng nhà ở thấp tầng trên diện tích 4.096 m2 mà hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư Dự án - Phát triển đô thị UDPI là chủ đầu tư. PICENZA đã ký hợp đồng đặt cọc và hoàn tất thủ tục để UDPI chuyển nhượng lại dự án lại cho PICENZA. PICENZA tìm kiếm thêm đối tác cùng hợp tác đầu tư cùng là SHN).

(2): Khoản phải thu này là khoản đặt cọc theo Thỏa thuận liên danh ngày 25/10/2017 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và Tập đoàn GELEXIMCO – CTCP về việc liên danh để tham gia đấu thầu làm Chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Hòa Bình – Geleximco, phường Thịnh Lang và phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình.

(3): Khoản phải thu này là khoản tiền mà Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội chuyển cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (nay đổi tên là Tập đoàn Geleximco - CTCP) theo Hợp đồng hợp tác số 04/2015/HTGV/GELE - SHN ngày 17 tháng 11 năm 2015, hai bên hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án đầu tư xây dựng công trình Gemek Tower II do Tập đoàn Geleximco - CTCP làm chủ đầu tư.

(4): Khoản phải thu này là khoản đầu tư của Hợp đồng hợp tác số 08/2016/HTGV/GELEQN-SHN ngày 12/08/2016 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội về việc hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án khu chung cư cao tầng Cái Dằm (New Life Tower) do Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh làm chủ đầu tư.

(5): Khoản phải thu này là khoản tiền mà Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Kim Giang liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Diềm Thụy theo giấy chứng nhận đầu tư số 172031000015 ngày 31/07/2009, sửa đổi lần 1 ngày 18/11/2010.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**5. Nợ xấu**

**5.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn</b>						
Phải thu khách hàng	1.641.096.692.919	(7.220.440.374)	1.633.876.252.545	1.505.998.092.271	(7.220.440.374)	1.498.777.651.897
Phải thu về cho vay ngắn hạn	325.653.110.039	(236.025.000.000)	89.628.110.039	340.372.770.997	(236.025.000.000)	104.347.770.997
Phải thu khác	418.330.433.697	(37.100.945.101)	381.229.488.596	965.469.736.767	(37.140.945.101)	928.328.791.666
<b>Cộng</b>	<b>2.385.080.236.655</b>	<b>(280.346.385.475)</b>	<b>2.104.733.851.180</b>	<b>2.811.840.600.035</b>	<b>(280.386.385.475)</b>	<b>2.531.454.214.560</b>
<b>Các khoản phải thu, cho vay dài hạn</b>						
Phải thu dài hạn khác	225.536.184.000	(7.578.834.000)	217.957.350.000	222.106.934.000	(7.578.834.000)	214.528.100.000
<b>Cộng</b>	<b>225.536.184.000</b>	<b>(7.578.834.000)</b>	<b>217.957.350.000</b>	<b>222.106.934.000</b>	<b>(7.578.834.000)</b>	<b>214.528.100.000</b>

**5.2 Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn**

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	134.333.945.080	-	-	-
Hàng hóa	17.811.893.898	-	15.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>152.145.838.978</b>	<b>-</b>	<b>15.500.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 đồng

(ii) Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 đồng

**7. Chi phí trả trước**

**7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.494.642	13.451.767
Dịch vụ mua ngoài khác	-	8.793.605
Các khoản khác	18.417.172	38.672.151
<b>Cộng</b>	<b>55.911.814</b>	<b>60.917.523</b>

**7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	151.094.750	82.813.604
Các khoản khác	189.734.567	239.385.464
<b>Cộng</b>	<b>340.829.317</b>	<b>322.199.068</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	1.224.934.545	90.367.086	1.315.301.631
Tăng trong kỳ	813.007.391	-	813.007.391
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.037.941.936</b>	<b>90.367.086</b>	<b>2.128.309.022</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	263.134.091	90.367.086	353.501.177
Khấu hao trong kỳ	116.647.905	-	116.647.905
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>379.781.996</b>	<b>90.367.086</b>	<b>470.149.082</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	961.800.454	-	961.800.454
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.658.159.940</b>	<b>-</b>	<b>1.658.159.940</b>

*Trong đó:*

*Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:* 90.367.086 đồng

*Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:* 0 đồng

*Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:* 0 đồng

**9. Phải trả người bán****9.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty Cổ phần Chế biến và Kinh doanh than Đông Bắc 386	70.274.942.402	70.274.942.402	15.525.107.305	15.525.107.305
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	45.191.462.760	45.191.462.760	56.163.402.277	56.163.402.277
Công ty TNHH Đông Bắc Hải Dương	110.185.733.047	110.185.733.047	121.076.961.196	121.076.961.196
Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản 16 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV 16	48.689.550.106	48.689.550.106	46.991.564.245	46.991.564.245
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tổng hợp DHA	57.191.169.057	57.191.169.057	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Vận tải Phúc Ngọc	104.084.786.995	104.084.786.995	177.697.749.729	177.697.749.729
Các nhà cung cấp còn lại	102.936.604.656	102.936.604.656	42.599.372.089	42.599.372.089
<b>Cộng</b>	<b>538.554.249.023</b>	<b>538.554.249.023</b>	<b>460.054.156.841</b>	<b>460.054.156.841</b>

**9.2 Phải trả người bán là các bên liên quan**

Xem thuyết minh VII.2

**10. Người mua trả tiền trước****10.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Geleximco	5.632.488	5.632.488
Công ty Cổ phần TBIC	10.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.505.632.488</b>	<b>5.632.488</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**10.2 Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

Xem thuyết minh VII.2

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****11.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	579.601.102	1.081.793.935	1.661.395.037	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.692.744.294	8.692.744.294	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.076.751.152	10.970.558.435	19.076.751.152	10.970.558.435
Thuế thu nhập cá nhân	217.996.900	149.725.800	329.832.900	37.889.800
Thuế bảo vệ môi trường	-	880.080.000	880.080.000	-
Các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	66.643.300	66.643.300	-
<b>Cộng</b>	<b>19.874.349.154</b>	<b>21.841.545.764</b>	<b>30.707.446.683</b>	<b>11.008.448.235</b>

**Thuế GTGT**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xuất khẩu lao động : 0%
- Hoạt động kinh doanh khác : 10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**12. Chi phí phải trả****12.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lãi vay phải trả	10.909.553.802	10.909.553.802
Phí LC Upas	-	10.299.285.849
<b>Cộng</b>	<b>10.909.553.802</b>	<b>21.208.839.651</b>

**13. Phải trả khác****13.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	36.651.335	37.952.735
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.000.000.000	45.000.000.000
- Công ty cổ phần Nhiệt Điện Thăng Long	45.000.000.000	45.000.000.000
- Khác	-	300.000.000
L/C Upas tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	421.477.478.874
Phải trả, phải nộp khác	19.687.138.763	19.466.413.063
<b>Cộng</b>	<b>64.723.790.098</b>	<b>485.981.844.672</b>

**13.2 Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

**14. Vay và nợ thuê tài chính****14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu kỳ		Trong năm		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	1.035.537.705.365	1.035.537.705.365	2.149.942.363.280	1.696.081.174.016	1.489.398.894.629	1.489.398.894.629
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (i)	290.000.000.000	290.000.000.000	202.448.212.529	6.652.850.980	485.795.361.549	485.795.361.549
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	741.572.172.285	741.572.172.285	1.947.494.150.751	1.689.199.323.036	999.867.000.000	999.867.000.000
Vay cá nhân	3.965.533.080	3.965.533.080	-	229.000.000	3.736.533.080	3.736.533.080
<b>Cộng</b>	<b>1.035.537.705.365</b>	<b>1.035.537.705.365</b>	<b>2.149.942.363.280</b>	<b>1.696.081.174.016</b>	<b>1.489.398.894.629</b>	<b>1.489.398.894.629</b>

Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính ngắn hạn

(i): **Hợp đồng cấp hạn mức số 5670/19TD-TT/II.23 ngày 07/11/2019 tại Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội:** Hạn mức cấp tín dụng: 700.000.000.000 VNĐ bao gồm toàn bộ dư nợ hiện đang theo dõi tại ABBANK theo Hợp đồng cấp hạn mức số 4114/18/TD-TT/II.23 ngày 06/09/2018. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện hoạt động kinh doanh cấp than, dầu, đá vôi, hóa chất và các nguyên liệu đầu vào cho dự án Nhiệt Điện Thăng Long do Công Ty cổ phần Nhiệt điện Thăng Long là chủ đầu tư; Thanh toán L/C nhập khẩu than thương mại do ABBANK phát hành. Thời hạn của từng lần cấp tín dụng: Tối đa không quá 4 tháng. Lãi suất: Được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Quyền đòi nợ đã hình thành từ các Hợp đồng kinh tế của Bên được cấp hạn mức ký với Công ty CP Nhiệt điện Thăng Long, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng kinh tế của bên được cấp hạn mức ký với Công ty CP Nhiệt điện Thăng Long; quyền đòi nợ đã hình thành từ các Hợp đồng kinh tế của Bên được cấp hạn mức với Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Đông Bắc và các công ty con, Công ty TNHH MTV 16 và xí nghiệp trực thuộc; các hợp đồng tiền gửi (phong tỏa) + lãi phát sinh có giá trị tương đương 100% giá trị L/C mà Ngân hàng TMCP An Bình phát hành để đảm bảo 100% nghĩa vụ thanh toán L/C.

(ii): **Hợp đồng cấp hạn mức số 4993698/HĐHM/VPB-SHN ngày 13/11/2019 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:** Hạn mức cấp tín dụng: 1.200.000.000.000 VNĐ. Mục đích cấp tín dụng: Thanh toán tiền mua than, dầu, đá vôi, hóa chất và các nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long; Phát hành UPAS L/C nội địa nhập than, dầu, hóa chất, nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Nhà Máy Nhiệt điện Thăng Long. Phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động mua sắm than, dầu, đá vôi và các nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long. Thời hạn của từng lần cấp tín dụng: Tối đa không quá 4 tháng. Lãi suất: Được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008/HĐTC/VPB-TLP ký ngày 05/12/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 200818/HĐTCTS/VPB-SHN ký ngày 05/12/2018; hợp đồng thế chấp tài sản hàng tồn kho luân chuyển số 200818/HĐTCTS/VPB-TLP ký ngày



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**15. Vốn chủ sở hữu****15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	1.296.071.470.000	6.139.824.104	16.350.914.364	84.450.234.098	1.403.012.442.566
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	65.888.815.264	65.888.815.264
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.296.071.470.000</b>	<b>6.139.824.104</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>150.339.049.362</b>	<b>1.468.901.257.830</b>
Số dư đầu năm nay	1.296.071.470.000	6.139.824.104	16.350.914.364	150.339.049.362	1.468.901.257.830
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	43.653.688.740	43.653.688.740
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.296.071.470.000</b>	<b>6.139.824.104</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>193.992.738.102</b>	<b>1.512.554.946.570</b>

**15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của các cổ đông khác	1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
<b>Cộng</b>	<b>1.296.071.470.000</b>	<b>1.296.071.470.000</b>

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<b>1.296.071.470.000</b>	<b>1.296.071.470.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**15.4 Cổ phiếu**

	Kỳ này	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	129.607.147	129.607.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	129.607.147	129.607.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**15.5 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu****Mục đích trích lập các quỹ**

*Quỹ đầu tư phát triển*: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường

**Tỷ lệ trích lập các quỹ**

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**16. Ngoại tệ các loại**

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ mà Công ty nắm giữ theo nguyên tệ như sau:

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
USD	711,35	698,00

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	1.703.499.889.935	1.908.336.742.031
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.659.739.609	23.198.181.289
<b>Cộng</b>	<b>1.725.159.629.544</b>	<b>1.931.534.923.320</b>

**1.2 Doanh thu với các bên liên quan**

Xem Thuyết minh VII.2

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.698.267.119.850	1.902.160.118.122
<b>Cộng</b>	<b>1.698.267.119.850</b>	<b>1.902.160.118.122</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ký quỹ	20.098.141.199	31.366.022.954
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.227.149.968
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	114.810.273
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	59.102.504.486	29.379.924.606
Lãi hợp tác kinh doanh	-	4.172.075.167
<b>Cộng</b>	<b>79.200.645.685</b>	<b>66.259.982.968</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	39.227.451.753	39.543.841.721
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	257.950.265
Dự phòng giảm giá chứng khoán KD và tổn thất đầu tư	-	6.912.980.370
Chi phí tài chính khác (LC Upas, phí bảo lãnh,...)	4.927.442.109	3.240.677.243
<b>Cộng</b>	<b>44.154.893.862</b>	<b>49.955.449.599</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí nhân viên	2.198.578.838	2.023.319.700
Chi phí vật liệu, bao bì	10.079.434	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	50.081.482	25.265.878
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.570.025	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.789.777	616.651.298
Chi phí bằng tiền khác	362.525.522	1.212.562.432
<b>Cộng</b>	<b>2.855.625.078</b>	<b>3.877.799.308</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.564.760.500	3.279.025.797
Chi phí đồ dùng văn phòng	79.989.530	129.990.004
Chi phí khấu hao TSCĐ	102.077.880	153.214.242
Thuế, phí và lệ phí	92.637.943	73.918.413
Chi phí dự phòng	-	12.939.888.470,00
Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.535.805	972.797.143
Chi phí bằng tiền khác	892.852.706	1.068.680.444
<b>Cộng</b>	<b>4.498.854.364</b>	<b>18.617.514.513</b>

*Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý*

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(40.000.000)	(100.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>4.458.854.364</b>	<b>18.517.514.513</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Tiền phạt thu được	-	24.724.642.740
Các khoản khác	1.010.100	1.570.848
<b>Cộng</b>	<b>1.010.100</b>	<b>24.726.213.588</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Các khoản bị phạt	545.000	104.072.973
Các khoản khác	-	2.200
<b>Cộng</b>	<b>545.000</b>	<b>104.075.173</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí nhân công	4.763.339.338	5.931.615.897
Chi phí công cụ, dụng cụ	130.071.012	158.005.880
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.647.905	153.214.242
Chi phí dự phòng	-	13.039.888.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	986.325.582	1.641.162.110
Chi phí khác bằng tiền	1.318.095.605	1.471.427.222
<b>Cộng</b>	<b>7.314.479.442</b>	<b>22.395.313.821</b>

**10. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	10.970.558.435	13.386.791.001
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>10.970.558.435</u></b>	<b><u>13.386.791.001</u></b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>54.624.247.175</b>	<b>47.906.163.161</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>228.545.000</b>	<b>19.027.791.845</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>228.545.000</b>	<b>20.254.941.813</b>
Các khoản phạt	-	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	228.545.000	20.254.941.813
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>(1.227.149.968)</b>
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	(1.227.149.968)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước</b>	<b>54.852.792.175</b>	<b>66.933.955.006</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay</b>	<b>54.852.792.175</b>	<b>66.933.955.006</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm nay</b>	<b><u>10.970.558.435</u></b>	<b><u>13.386.791.001</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Các khoản cam kết**

***Cam kết góp vốn***

Công ty cam kết góp vốn vào Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình với số tiền 15 tỷ tương ứng với 30% vốn điều lệ và đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp: 5400517017 cấp ngày 25/05/2020.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

**3. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**3.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</b>		
Thù lao	228.000.000	228.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương, thưởng	484.720.700	1.123.456.200

**3.2 Các bên liên quan khác**

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý đường sông 6	Công ty con
Công ty CP Mai Trang Linh	Công ty liên kết
Tập đoàn Geleximco - CTCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội)	Chủ tịch HĐQT của SHN đồng thời là PTGD của Geleximco.
Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình	Như trên
Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh	Như trên
Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và Kinh doanh Bất động sản HTL Việt Nam	Chung Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam</b>		
Chuyển tiền cho mượn	2.000.000	2.000.000
<b>Công ty Cổ phần Quản lý đường sông 6</b>		
Nhận cổ tức	-	1.227.149.968
<b>Tập đoàn Geleximco - CTCP</b>		
Mua dịch vụ	718.827.674	702.449.389
Lãi cho vay	4.265.226.111	2.459.474.649
Phạt cọc	-	24.724.642.740
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	413.586.667
Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	36.200.000.000
Vay ngắn hạn	-	83.969.041.097
Vay dài hạn	-	1.000.000.000
Lãi đi vay	-	1.196.231.745
<b>Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình</b>		
Mua dịch vụ		162.448.636
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh		3.758.488.500
<b>Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh</b>		
Lãi vay phải trả	-	680.000.000
Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b><u>Nợ phải thu</u></b>		
<b>Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam</b>		
Phải thu khách hàng	4.035.853.607	4.035.853.607
Phải thu khác	12.035.000	10.035.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Tập đoàn Geleximco - CTCP**

Phải thu lãi cho vay	13.653.290.965	9.388.064.854
Phải thu lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	413.586.667	413.586.667
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	89.628.110.039	104.347.770.997
Phải thu tiền đặt cọc	92.000.000.000	92.000.000.000

**Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình**

Phải thu lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.758.488.500	3.758.488.500
---	---------------	---------------

**Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh**

Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	64.000.000.000	64.000.000.000
--------------------------------------	----------------	----------------

<b>Cộng</b>	<b>277.501.364.778</b>	<b>287.953.799.625</b>
-------------	------------------------	------------------------

**Nợ phải trả****Tập đoàn Geleximco - CTCP**

Phải trả người bán	5.615.619.625	4.938.492.625
<b>Cộng</b>	<b>5.615.619.625</b>	<b>4.938.492.625</b>

**4. Báo cáo bộ phận**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động trong kỳ của Công ty được chia theo các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

	<b>Kinh doanh than</b>	<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này/Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.703.499.889.935	21.659.739.609	-	1.725.159.629.544
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.703.499.889.935</b>	<b>21.659.739.609</b>	<b>-</b>	<b>1.725.159.629.544</b>
Giá vốn hàng bán	(1.698.267.119.850)	-	-	(1.698.267.119.850)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.232.770.085	21.659.739.609	-	26.892.509.694
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(7.314.479.442)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	19.578.030.252
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	79.200.645.685
Chi phí tài chính	-	-	-	(44.154.893.862)
Thu nhập khác	-	-	-	1.010.100
Chi phí khác	-	-	-	(545.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(10.970.558.435)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>43.653.688.740</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Geleximco,  
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 20 tháng 08 năm 2020

**Người lập biểu**

Nguyễn Mạnh Tường

**Kế toán trưởng**

Chu Văn Mân

**Tổng Giám đốc**



Nguyễn Đại Hải

